

NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG NÔNG NGHIỆP

CHÌA KHÓA CỦA TĂNG TRƯỞNG, THAY ĐỔI CƠ CẤU KINH TẾ VÀ THU NHẬP NÔNG DÂN

PGS.TS. ĐINH PHI HỒ* & ThS. PHẠM NGỌC DƯƠNG**

Năng suất lao động nông nghiệp (NSLĐNN) là nhân tố tác động thay đổi tăng trưởng, cơ cấu kinh tế và thu nhập cho nông dân. Tuy nhiên, trong thời gian qua, NSLĐNN ở VN rất thấp và tăng trưởng chậm. Do đó, nhận diện được một cách khoa học các tác động của NSLĐNN và yếu tố ảnh hưởng đến NSLĐNN là thách thức của các nhà nghiên cứu và chính sách ở VN. Nghiên cứu này tiến hành sử dụng số liệu thống kê từ 1991-2009, trên cơ sở của mô hình hồi quy nhằm nhận diện bản chất các mối quan hệ trên. Tác giả nhận diện được NSLĐNN tác động cùng chiều, có ý nghĩa với tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng nông nghiệp và thay đổi cơ cấu kinh tế. Đồng thời, tác giả cũng gợi ý 5 nhóm chính sách nhằm nâng cao NSLĐNN bao gồm: (1) Khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm nâng cao năng suất đất; (2) Mở rộng cung tín dụng đối với nông dân; (3) Nâng cao trình độ kiến thức nông nghiệp cho nông dân; (4) Khuyến khích hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản hàng hóa; và (5) Tăng nhanh phát triển cơ sở hạ tầng và phát triển ngành nghề phi nông nghiệp ở vùng nông thôn.

1. Giới thiệu

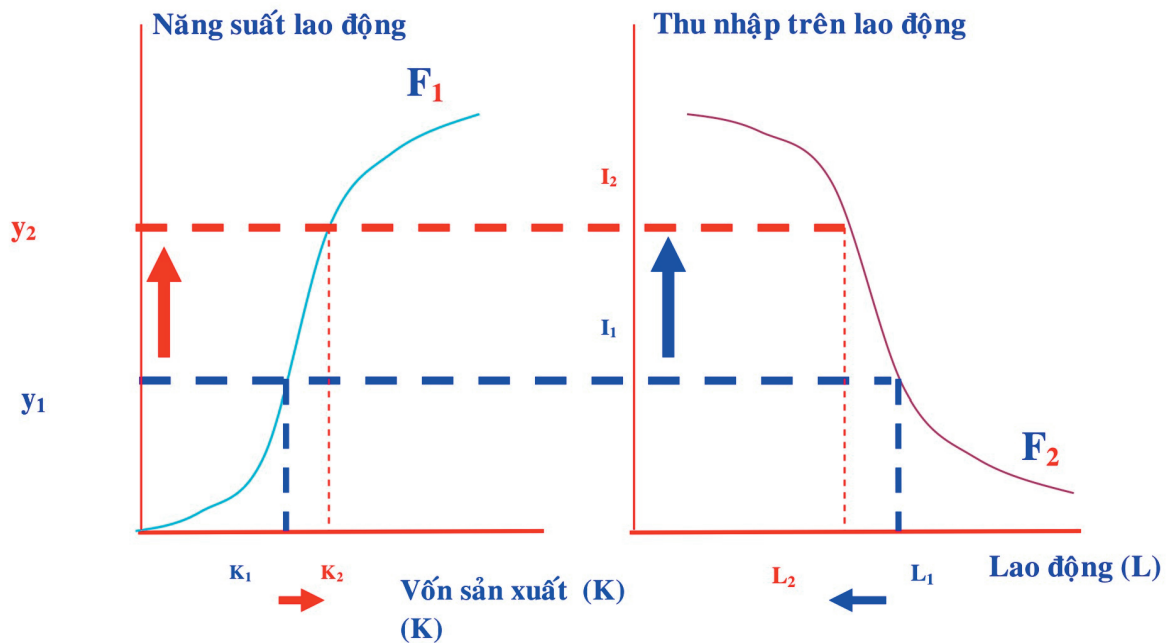
NSLĐNN là nhân tố tác động thay đổi tăng trưởng, cơ cấu kinh tế và thu nhập cho nông dân. Hơn nữa, thời kỳ hậu WTO, NSLĐNN cũng là yếu tố quyết định để nâng cao năng lực cạnh tranh cho nông dân. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về NSLĐNN, tuy nhiên tác động của NSLĐNN đối với tăng trưởng, thay đổi cơ cấu kinh tế và thu nhập nông dân chưa được chú ý đến một cách đầy đủ, nhất là định lượng được những tác động. Do đó, nhận diện được một cách khoa học các tác động của NSLĐNN và yếu tố ảnh hưởng đến NSLĐNN là thách thức của các nhà nghiên cứu và chính sách ở VN. Nội dung bài viết này tập trung vào 3 vấn đề chính: (1) Vai trò của NSLĐNN tác động đến tăng trưởng, thay đổi cơ cấu kinh tế và thu nhập nông dân; (2) nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến NSLĐNN; và (3) gợi ý chính sách nhằm nâng cao năng suất lao động cho nông nghiệp VN.

2. Khía cạnh kinh tế học của NSLĐNN

Lewis (1955) [1] cho rằng, có tình trạng dư thừa lao động trong khu vực nông nghiệp làm cho năng suất lao động khu vực nông nghiệp thấp. Dịch chuyển bộ phận lao động dư thừa từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp sẽ tác động tăng NSLĐNN và tăng sản lượng khu vực công nghiệp. Hệ quả là nâng cao được tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Todaro (1990) [1] nhận định quá trình phát triển nông nghiệp chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nền nông nghiệp độc canh trong canh tác sang đa dạng hóa và chuyên môn hóa theo lợi thế so sánh. Tương ứng là sự thay đổi tăng trưởng nông nghiệp do thay đổi phương thức phát triển theo bề rộng (Extensification) sang phương thức phát triển theo chiều sâu (Intensification) trên cơ sở của tăng NSLĐNN.

Theo Park S.S (1992) [1], trong giai đoạn phát triển, tăng trưởng nông nghiệp do nâng cao



Hình 1. Năng suất lao động và thu nhập của một lao động nông nghiệp

NSLĐNN và chính nó quyết định nâng cao thu nhập cho nông dân.

Hình 1 cho thấy thay đổi vốn theo hướng tăng lên sẽ tăng năng suất lao động, tương ứng sẽ giảm bớt số lượng lao động ở khu vực nông nghiệp và thu nhập tăng.

Như vậy, các lý thuyết kinh tế học cho rằng, NSLĐNN tác động đến tăng trưởng, thay đổi cơ cấu kinh tế và thu nhập người lao động nông nghiệp.

3. Vai trò NSLĐNN đối với tăng trưởng, thay đổi cơ cấu kinh tế và thu nhập nông dân

3.1 Quan hệ giữa NSLĐNN và cơ cấu kinh tế

Bảng 1. Cơ cấu kinh tế trong giai đoạn 1991-2009

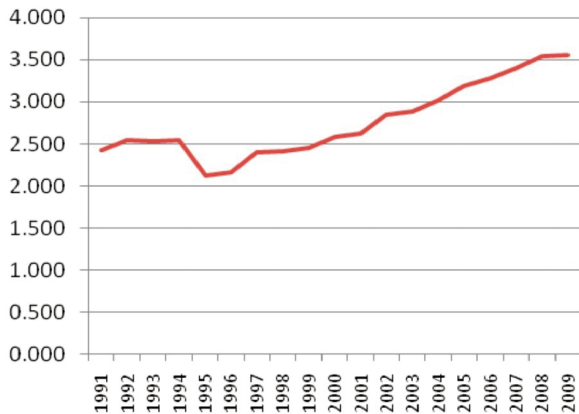
Năm	Tỷ trọng trong GDP (%)			Tỷ trọng trong tổng lao động (%)	
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ	Nông nghiệp	Công nghiệp - Dịch vụ
1991	39,0	23,1	37,9	72,6	27,4
1995	26,2	29,9	43,8	71,7	28,3
2009	17,1	41,6	41,4	51,9	48,1

Nguồn: Tổng cục Thống kê (TCTK, 1995-2010) [2] và xử lý của tác giả (GDP tính theo giá so sánh năm 1994).

Kể từ 1991 đến nay, cơ cấu kinh tế chuyển đổi một cách cơ bản từ nền kinh tế truyền thống nông nghiệp sang nền kinh tế hiện đại. Năm 1995, tỷ trọng của khu vực công nghiệp trong GDP là 29,9% lớn hơn của khu vực nông nghiệp (26,2%), vượt qua bước ngoặt của nền kinh tế truyền thống. Năm 2009, tỷ trọng khu vực nông nghiệp chỉ còn 17,1%, trong khi khu vực phi nông nghiệp chiếm 82,9%. Cơ cấu này phù hợp với nền kinh tế hiện đại; công nghiệp - dịch vụ. Tuy nhiên, cơ cấu về lao động còn lạc hậu và chưa tương xứng với nền kinh tế hiện đại. Trong năm 2009, tỷ trọng khu vực nông nghiệp trong GDP chỉ là 17,1% nhưng tỷ trọng lao động khu vực nông nghiệp lại chiếm tới 51,9%. Nhanh chóng chuyển dịch lao động nông nghiệp sang khu vực công nghiệp - dịch vụ là một thách thức lớn đối với thay đổi cơ cấu kinh tế VN phù hợp với cơ cấu kinh tế hiện đại.

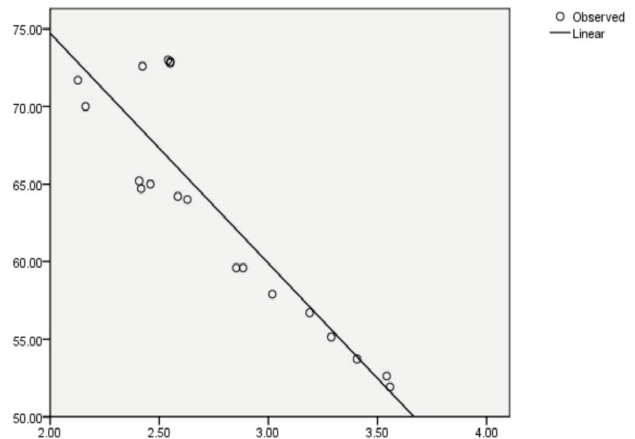
Để có thể giảm tỷ trọng lao động khu vực nông nghiệp lại phụ thuộc vào NSLĐNN (GDP khu vực nông nghiệp tính trên 1 lao động nông nghiệp). Hình 2 và 3 cho thấy, trong giai đoạn 1991-2009 [2], NSLĐNN có xu hướng tăng lên trong khi tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm xuống. Trong năm 1991, NSLĐNN là 2,432 triệu đồng (Theo giá so sánh năm 1994) tương ứng tỷ trọng lao động nông nghiệp là 72,65%. Năm 2009, mức tương quan này là 3,557 triệu đồng và 51,92%.

Triệu đồng

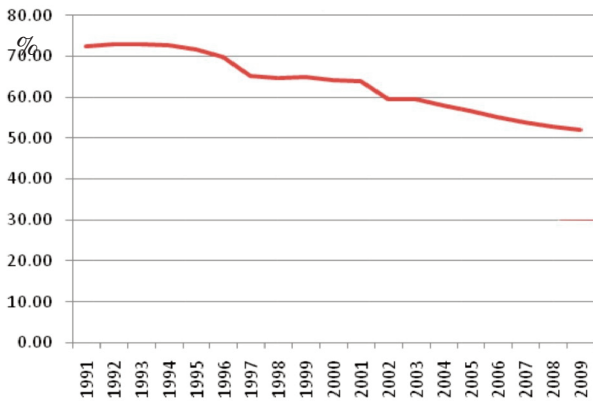


Hình 2. NSLĐNN giai đoạn 1991-2009
(theo giá so sánh năm 1994)

%

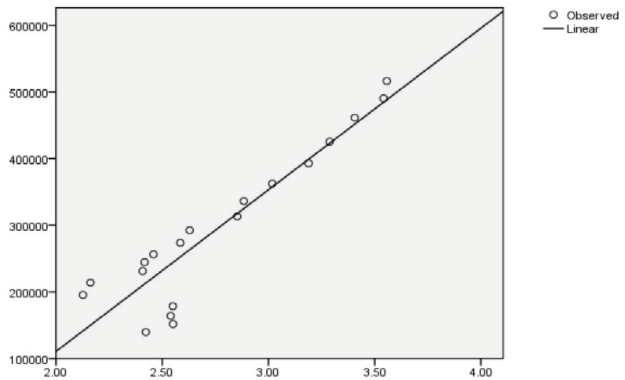


Hình 4. Đường tương quan giữa NSLĐNN và tỷ trọng lao động nông nghiệp



Hình 3. Tỷ trọng lao động nông nghiệp
giai đoạn 1991-2009

GDP



Hình 5. Đường tương quan giữa NSLĐNN và GDP
(triệu đồng, theo giá so sánh năm 1994)

Nguồn: Tổng cục Thống kê (TCTK, 1995-2010) [2] và xử lý của tác giả;

Hình 4 cho thấy đường xu hướng tương quan giữa NSLĐNN và tỷ trọng lao động nông nghiệp (P_{LA}) dốc xuống, thể hiện mối tương quan nghịch chiều: NSLĐNN tăng, tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm theo thời gian.

Kết quả của mô hình hồi quy tuyến tính như sau:

Bảng 2. Kết quả hồi quy của mô hình

	Hệ số chưa được chuẩn hóa	Ý nghĩa
(Hằng số)	104,380	0,000
NSLĐNN	-14,831	0,000
R^2 hiệu chỉnh: 0,789	ANOVA: Giá trị F: 68,256; Sig. : 0,000	

Biến phụ thuộc: Tỷ trọng lao động nông nghiệp (P_{LA} , %), số quan sát từ 1991-2009.

Phương trình hồi quy:

$$P_{LA} = 104,380 - 14,831 \text{ NSLĐNN (DPH1-2011)}$$

Mô hình hồi quy khẳng định NSLĐNN tương quan nghịch chiều có ý nghĩa với tỷ trọng lao động nông nghiệp. Hệ số hồi quy là -14,831 có nghĩa là nếu NSLĐNN tăng lên 1 đơn vị (triệu đồng) thì tỷ trọng LĐNN sẽ giảm 14,831 đơn vị (%).

3.2 Quan hệ giữa NSLĐNN và tăng trưởng kinh tế

NSLĐNN tác động làm thay đổi tỷ trọng lao động nông nghiệp và hệ quả làm thay đổi GDP của nền kinh tế (tăng trưởng GDP).

Hình 5 cho thấy đường tương quan dốc lên. Như vậy, NSLĐNN tương quan cùng chiều với GDP theo giai đoạn 1991-2009.

Kết quả của mô hình hồi quy tuyến tính như sau:

Bảng 3. Kết quả hồi quy của mô hình

	Hệ số chưa được chuẩn hóa	Ý nghĩa
(Hằng số)	17,237	0,000
NSLĐNN	2,182	0,000
R ² hiệu chỉnh: 0,789	ANOVA: Giá trị F: 45,8; Sig. : 0,000	

Biến phụ thuộc: LnGDP (triệu đồng, theo giá so sánh năm 1994), số quan sát từ 1991-2009.

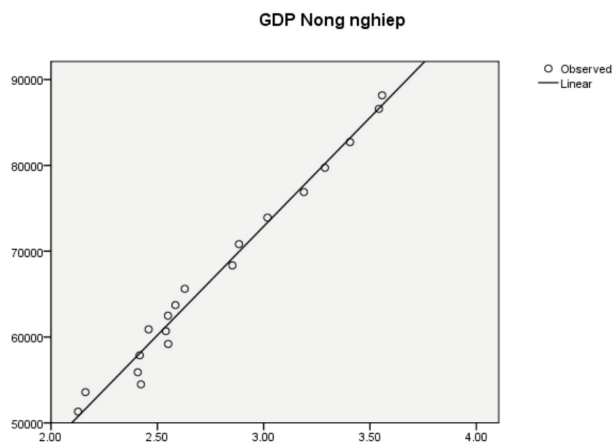
Phương trình hồi quy:

$$\text{LnGDP} = 17,237 + 2,182 \text{ LnNSLĐNN (DPH2-2011)}$$

Mô hình hồi quy khẳng định NSLĐNN tương quan cùng chiều có ý nghĩa với GDP. Hệ số hồi quy là 2,182 có nghĩa là nếu NSLĐNN tăng thêm 1% thì GDP sẽ tăng thêm lên 2,182 %.

NSLĐNN cũng tác động làm thay đổi GDP khu vực nông nghiệp (Tăng trưởng nông nghiệp).

ĐVT: triệu đồng, theo giá so sánh năm 1994



Hình 6. Đường tương quan giữa NSLĐNN và GDP nông nghiệp

Hình 6 cho thấy đường tương quan dốc lên. Như vậy, NSLĐNN tương quan cùng chiều với GDP nông nghiệp theo giai đoạn 1991-2009.

Kết quả của mô hình hồi quy tuyến tính như sau:

Bảng 4. Kết quả hồi quy của mô hình

	Hệ số chưa được chuẩn hóa	Ý nghĩa
(Hằng số)	1,695,615	0,000
LnNSLĐNN	1,040	0,000
R ² hiệu chỉnh: 0,713	ANOVA: Giá trị F: 69,8; Sig. : 0,000	

Biến phụ thuộc: LnGDP_{nông nghiệp} (triệu đồng,

theo giá so sánh năm 1994); số quan sát từ 1991-2009.

Phương trình hồi quy:

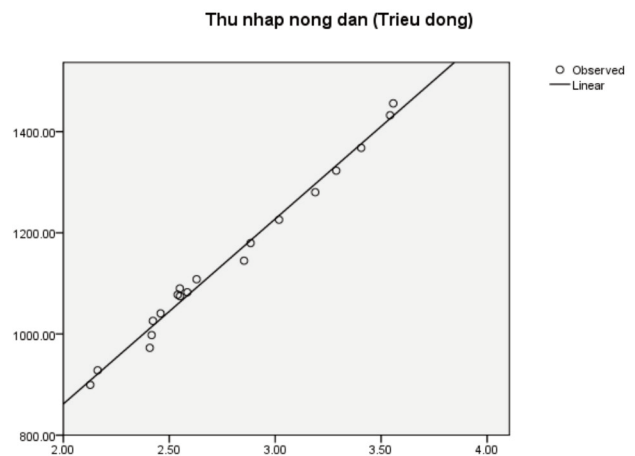
$$\text{LnGDP}_{\text{nông nghiệp}} = 16,956 + 1,040 \text{ LnNSLĐNN (DPH3-2011)}$$

Mô hình hồi quy khẳng định NSLĐNN tương quan cùng chiều có ý nghĩa với GDP_{nông nghiệp}. Hệ số hồi quy là 1,040 có nghĩa là nếu NSLĐNN tăng thêm 1% thì GDP_{nông nghiệp} sẽ tăng lên 1,040%.

3.3 Quan hệ giữa NSLĐNN và thu nhập nông dân

NSLĐNN tác động làm thay đổi thu nhập nông dân (GDP nông nghiệp tính trên 1 nhân khẩu nông thôn).

ĐVT: triệu đồng, theo giá so sánh năm 1994



Hình 7. Đường tương quan giữa NSLĐNN và thu nhập nông dân

Hình 7 cho thấy đường tương quan dốc lên. Như vậy, NSLĐNN tương quan cùng chiều với thu nhập nông dân theo giai đoạn 1991-2009.

Kết quả của mô hình hồi quy tuyến tính như sau:

Bảng 5. Kết quả hồi quy của mô hình

	Hệ số chưa được chuẩn hóa	Ý nghĩa
(Hằng số)	6,114	0,000
LnNSLĐNN	0,886	0,000
R ² hiệu chỉnh: 0,98	ANOVA: Giá trị F: 128; Sig. : 0,000	

Biến phụ thuộc: LnTNNDAN (triệu đồng, theo giá so sánh năm 1994); số quan sát từ 1991-2009.

Phương trình hồi quy:

$$\ln \text{TNNDAN} = 6,114 + 0,886 \ln \text{NSLĐNN} \quad (\text{DPH4-2011})$$

Mô hình hồi quy khẳng định NSLĐNN tương quan cùng chiều có ý nghĩa với thu nhập nông dân. Hệ số hồi quy là 0,886 có nghĩa là nếu NSLĐNN tăng thêm 1% thì thu nhập nông dân sẽ tăng thêm 0,886%.

Tóm lại, NSLĐNN tác động làm thay đổi tỷ trọng lao động nông nghiệp (Cơ cấu kinh tế), GDP (Tăng trưởng kinh tế), GDP_{nông nghiệp} (Tăng trưởng nông nghiệp) và thu nhập nông dân. Do đó, NSLĐNN là chìa khóa của tăng trưởng, thay đổi cơ cấu kinh tế và thu nhập nông dân.

4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tăng NSLĐNN ở VN

4.1 Vấn đề về NSLĐNN ở VN

- So với thế giới: Năng suất lao động của VN đạt ở mức thấp so với các nước trong khu vực. Trong Bảng 6 dưới đây cho thấy, nếu so với năng suất lao động của Mỹ (nước có năng suất lao động cao nhất trong bảng), thì năng suất lao động của VN chỉ mới bằng 1,6%. Trong 6 nước ASEAN gồm: Singapore, Malaysia, Thái Lan, Philippines, Indonesia và VN thì Singapore dẫn đầu về năng suất lao động. NSLĐNN VN so với các nước: 2,35% so với Singapore; 63,37% so với Indonesia; 28,73% so với Thái Lan; 44,07% so với Philippines; 10,95% so với Malaysia [3].

- So với trong nước: NSLĐNN quá thấp so với khu vực công nghiệp và dịch vụ. Trong năm 2009 [2], NSLĐNN chỉ bằng 32,87% của năng suất lao

Bảng 6. NSLĐNN các nước năm 2005

Tên nước và khu vực	NSLĐNN (USD)	So sánh NSLĐNN (%)	
		Các nước	VN
Mỹ	77.346	100	1,60
Singapore	52.426	100	2,35
Malaysia	11.300	100	10,95
Thái Lan	4.305	100	28,73
Philippines	2.807	100	44,07
Indonesia	1.952	100	63,37
VN	1.237		

động chung cả nước và 19% so với khu vực công nghiệp và dịch vụ.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm trong giai đoạn 1991-2009 [2] của NSLĐNN chậm (2,15%) và thấp hơn tốc độ tăng trưởng GDP nông nghiệp (2,7%).

Như vậy, nâng cao NSLĐNN là vấn đề thách thức cho phát triển nông nghiệp VN.

4.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến NSLĐNN

Theo các công trình nghiên cứu của chúng tôi ở VN, NSLĐNN phụ thuộc vào các yếu tố sau: (1) Quy mô vốn đầu tư; (2) Quy mô đất nông nghiệp; (3) Mô hình đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp; (4) Trình độ cơ giới; (5) Trình độ kiến thức nông nghiệp; và (6) Liên kết trong tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

Bảng 7. Kết quả hồi quy của mô hình NSLĐNN và Thu nhập

Biến độc lập	Hệ số hồi quy	Trình độ ý nghĩa	ANOVA	Địa bàn/ Quy mô mẫu/ Nguồn
Quy mô vốn đầu tư	0,765	0,0000	Adj. R ² = 0,78; Sig.=0,000	Cần Thơ / 2.300 hộ nông dân / [4]
Quy mô đất nông nghiệp	0,374	0,0001	Adj. R ² = 0,65; Sig.=0,000	Bến Tre / 210 hộ nông dân / [5]
Mô hình đa dạng hóa	0,734	0,0000	Adj. R ² = 0,30; Sig.=0,000	Phú Thọ / 200 hộ nông dân / [6]
Trình độ cơ giới	0,161	0,0001	Adj. R ² = 0,30; Sig.=0,000	Phú Thọ / 200 hộ nông dân / [6]
Liên kết tiêu thụ sản phẩm	0,283	0,0000	Adj. R ² = 0,78; Sig.=0,000	Cần Thơ / 2.300 hộ nông dân / [4]
Kiến thức nông nghiệp	0,291	0,0000	Adj. R ² = 0,73; Sig.=0,000	Bình Dương / 180 trang trại / [7]
Biến phụ thuộc: NSLĐNN / thu nhập hộ				

Như vậy, có thể khẳng định, nâng cao NSLĐNN không phụ thuộc duy nhất một chính sách đơn lẻ mà chịu sự tác động bởi một hệ thống chính sách. Hơn nữa trong điều kiện ràng buộc của thể chế WTO, chính sách phải đảm bảo phù hợp với thể chế WTO cho phép.

4.3 Gợi ý về chính sách

Dựa vào hộp xanh (Green Box) của WTO đối với thể chế tài trợ cho nông nghiệp và các yếu tố ảnh hưởng đến NSLĐNN trong điều kiện VN, có 5 nhóm chính sách cần được tập trung: (1) Khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm nâng cao năng suất đất; (2) Mở rộng cung tín dụng đối với nông dân; (3) Nâng cao trình độ kiến thức nông nghiệp cho nông dân; (4) Khuyến khích hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản hàng hóa; và (5) Tăng nhanh phát triển cơ sở hạ tầng và phát triển ngành nghề phi nông nghiệp ở vùng nông thôn. Cụ thể là:

(1) Để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm nâng cao năng suất đất nông nghiệp nên tập trung vào: (i) Phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao ở các vùng trọng điểm nông nghiệp nhằm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài du nhập các công nghệ mới trong nông nghiệp; và (ii) Hình thành các ban quản lý dự án chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên các tỉnh nông nghiệp hàng hóa và xuất khẩu trên cơ sở bốn nhà: nhà

nước, nhà nông, nhà kinh doanh (nông sản, vật tư và tiền tệ), nhà khoa học - ứng dụng công nghệ (khuyến nông). Thông qua hoạt động các dự án này, các nguồn lực sẽ được tập trung và được khai thác hiệu quả hơn phục vụ cho việc chuyển giao các công nghệ mới đến nông dân.

(2) Để mở rộng cung tín dụng đến nông dân dựa trên cơ sở: (i) Đáp ứng yêu cầu vốn vay với lãi suất thị trường, quy mô vốn vay theo yêu cầu và kỳ hạn phù hợp với các mô hình sản xuất hiệu quả, có lợi thế so sánh trên từng tiểu vùng sinh thái của nông nghiệp; (ii) Cải thiện môi trường kinh tế - xã hội ở nông thôn bao gồm: thủ tục thanh lý nợ của các ngân hàng đối với nông dân cần được thực hiện thuận lợi, nhanh chóng không bị cản trở bởi những ràng buộc hành chính của các địa phương; hợp pháp hóa các tài sản có giá trị của nông dân.

(3) Đối với việc nâng cao trình độ kiến thức nông nghiệp và liên kết tiêu thụ nông sản cho nông dân, cần tập trung vào: (i) Hệ thống khuyến nông cần được ưu tiên hàng đầu nhận sự tài trợ của chính phủ: Kinh phí hoạt động, lực lượng và chất lượng cán bộ khuyến nông cơ sở, sử dụng các phương tiện thông tin quốc gia trong việc truyền bá, chuyển giao kiến thức cho nông dân; và (ii) Phải có chính sách đặc biệt khuyến khích phương thức ký kết hợp đồng giữa chuyển giao công nghệ



mới và tiêu thụ sản phẩm nhất là những nông sản được tiêu thụ của những nước phát triển. Các chính sách về thuế thích hợp đối với chương trình, dự án nghiên cứu và phát triển, tài trợ thêm tín dụng với hình thức tín chấp, tài trợ kinh phí huấn luyện cho các công ty kinh doanh đã ký được hợp đồng với nông dân hoặc trang trại.

(4) Trong khi các nước trong khu vực và trên thế giới đang phát triển nông nghiệp trên nền tảng của trang trại mà VN lại không đẩy nhanh phát triển kinh tế trang trại sẽ gặp bất lợi trong cạnh tranh và nâng cao thu nhập cho nông dân. Để kinh tế trang trại có thể trở thành “lực lượng đột phá” thúc đẩy phát triển nông nghiệp, chính sách nên cần tập trung vào các mặt: (i) Chính sách thuế thu nhập và các loại thuế khác áp dụng vào trang trại cần quan tâm đảm bảo cho chủ trang trại có lợi nhuận thỏa đáng, đặc biệt là khuyến khích chủ trang trại huy động nguồn lợi nhuận và nguồn vốn khác đầu tư vào mở rộng sản xuất; (ii) Đối với những trang trại có dự án chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng sản xuất sản phẩm chất lượng cao và xuất khẩu có thị trường tiêu thụ, cần được hỗ trợ tín dụng ưu đãi như được ngân sách bù đắp một phần chi phí lãi suất phải trả và được ưu tiên vay trung và dài hạn từ hệ thống định chế tín dụng chính thức; (iii) Cần khuyến khích hình thức liên kết hợp đồng giữa các công ty kinh doanh vật tư, kinh doanh nông sản và các trang trại. Các chính sách thuế và hỗ trợ tín dụng đặc biệt nên áp dụng đối với các công ty kinh doanh vật tư và nông sản có hợp đồng ký kết với chủ trang trại trong liên kết chuyển giao công nghệ mới, cung ứng vật tư và đảm bảo tiêu thụ sản phẩm; và (iv) Cần thành lập quỹ phát triển trang trại quốc gia nhằm tài trợ các trang trại về nguồn vốn, đào tạo - huấn luyện chủ trang trại về kỹ năng quản lý - tổ chức sản xuất, xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại, chương trình “Mạng hóa - Internet” cho các trang trại.

(5) Mục tiêu hướng tới của chính sách tăng nhanh phát triển cơ sở hạ tầng và phát triển ngành nghề phi nông nghiệp ở vùng nông thôn nhằm tạo tiền đề cho chuyển dịch lao động ra khỏi lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, nâng cao thu nhập và chất lượng nguồn nhân lực nông thôn. Chính phủ nên quan tâm đến: (i) Ưu tiên hàng

đầu phân bổ nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế như ODA, WB, IMF, ADB và NGOs cho các dự án: Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn (đường, điện, nước sạch, hệ thống thông tin liên lạc, vệ sinh môi trường); phát triển doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ đối với lĩnh vực công nghiệp chế biến, công nghiệp thâm dụng lao động và dịch vụ; chương trình đào tạo cho giáo viên, cán bộ phát triển nông thôn, cán bộ y tế cộng đồng vùng nông thôn; và (ii) Ban hành cơ chế ưu đãi đặc biệt cho các tổ chức xã hội trong và ngoài nước thực hiện các dự án giải quyết việc làm cho người nghèo ở nông thôn, đóng góp cho phát triển cộng đồng nhất là các vùng gắn với đồng bào dân tộc thiểu số■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Phi Hổ (2008), *Kinh tế học nông nghiệp bền vững*, NXB Phương Đông.
2. Tổng cục Thống kê (1995, 2006, 2009), *Niên giám thống kê*, NXB Thống kê, Hà Nội.
3. Báo cáo phát triển thế giới 2008 (2008), *Tăng cường nông nghiệp cho phát triển*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
4. Đinh Phi Hổ (2007), “Năng suất lao động - chìa khóa của sự phát triển nông nghiệp VN trong quá trình hội nhập kinh tế”, *Ảnh hưởng của việc gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) đối với nền kinh tế VN*, trang 245-54, NXB Tổng hợp TP.HCM.
5. Đinh Phi Hổ (2010), “Từ mô hình định lượng, nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lao động nông nghiệp ở tỉnh Bến Tre”, *Tạp chí Phát triển kinh tế*, số 241, tháng 11/2010.
6. Đinh Phi Hổ (2010), “Một số giải pháp nhằm nâng cao thu nhập của nông hộ vùng trung du ở tỉnh Phú Thọ”, *Tạp chí Phát triển kinh tế*, số 236, tháng 6/2010.
7. Đinh Phi Hổ (2008), “Khuyến nông: Chìa khóa vàng của nông dân trên con đường hội nhập”, *Tạp chí Cộng sản*, số 15, tháng 3/2008.
8. Đinh Phi Hổ (2008), “Kinh tế trang trại - lực lượng đột phá thúc đẩy phát triển nông nghiệp VN theo hướng bền vững”, *Tạp chí Cộng sản*, số 51, tháng 3/2011.